

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 123/2022/HS-ST
Ngày 20-7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Minh Tùng;

Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh N, sinh năm 1967 tại Thành phố H; địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường H, Quận 12, Thành phố H; chỗ ở trước khi bị bắt: Sống lang thang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 0/12 (không biết chữ); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn B (đã chết) và bà Trần Thị Đ (đã chết); bị cáo có 03 anh C em, lớn nhất không rõ năm sinh, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân:

- Ngày 16/9/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố H xử phạt 03 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 1480/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/6/1998.

- Ngày 06/7/1999, bị Tòa án nhân dân Thành phố H xử phạt 05 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 1331/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/6/2002.

- Ngày 14/6/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 30 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 245/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2006.

- Ngày 27/7/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố H xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 132/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/6/2012 và chấp hành xong án phí ngày 01/12/2011.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2022 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Khu phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trương Công H1, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Thôn 2, xã T, huyện P, tỉnh Q; chỗ ở hiện nay: Phường 3, quận G, Thành phố H. Vắng mặt theo đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Thủy C, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: Khu phố 5, phường H, Quận 12, Thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/3/2022, N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59V3-177.14 chở khách đến khu vực khu du lịch Đ. Sau khi trả khách, N nảy sinh ý định đi tìm kiếm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài nên N điều khiển xe mô tô hướng đến thị xã B, tỉnh B. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước nhà trọ P, thuộc khu vực ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh B thì N phát hiện kiốt của bà Nguyễn Thị Thu H khóa cửa, không có người xung quanh nên N dừng lại, xuống xe, dùng kim bấm kim loại mang theo cắt đứt bản lề cửa rồi vào trong lục tìm lấy được 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, màu đen. Sau đó, N điều khiển xe đến tiệm điện thoại di động của ông Trương Công H1 bán máy tính vừa trộm được với giá 3.700.000 đồng. Tiền có được, N tiêu xài hết.

Đối với bà Nguyễn Thị Thu H, sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, bà H đến Công an xã P, thị xã B, tỉnh B trình báo và cung cấp hình ảnh trích xuất camera tại kiốt của mình cho Công an xã P.

Khoảng 08 giờ ngày 02/3/2022, lực lượng Công an xã P đang tuần tra thì phát hiện Nguyễn Thanh N đang điều khiển xe mô tô biển số 59V3-177.14 đang lưu thông trên đường ĐT744 thuộc ấp B, xã P, thị xã B nên mời về làm việc.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 59V3-177.14; 01 (một) căn cước công dân tên Nguyễn Thanh N (bản sao); 01

(một) giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 59V3-177.14; 01 (một) kim bấm chết; 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, màu đen, model Travelmate P249-G2M.

Theo Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 04/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B, kết luận: 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, màu đen, model Travelmate P249-G2-M, mua mới vào năm 2019 trị giá 3.500.000 đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59V3-177.14, xe do bà Nông Thị Bích Ng (sinh năm 1968, nơi thường trú: Phường 14, quận G, Thành phố H) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 24/7/2020, ông Nguyễn Hùng S (sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: Số 01/5 Q, Phường 14, quận G, Thành phố H) là người đại diện cho bà Nông Thị Bích Ng làm hợp đồng ủy quyền cho bà Trần Thị Thủy C (sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: Khu phố 5, phường H, Quận 12, Thành phố H) toàn quyền quản lý, sử dụng. Thực tế là bà C mua lại xe này nhưng không làm hợp đồng mua bán. Bà C cho N mượn xe để lái xe ôm kiếm sống.

Ngày 10/3/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B xử lý vật chứng giao trả 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, màu đen, model Travelmate P249-G2-M cho bà Nguyễn Thị Thu H; giao trả 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59V3-177.14 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của xe mô tô biển số 59V3-177.14 cho bà Trần Thị Thủy C. Bà H và bà C không yêu cầu gì thêm về phân trách nhiệm dân sự.

Ngày 21/3/2022, bà Trần Thị Thủy C bồi thường số tiền 3.700.000 đồng cho ông Trương Công H1. Ông H1 đã nhận tiền và không yêu cầu gì thêm. Bà C cũng không yêu cầu N trả lại số tiền này cho bà.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thanh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, Nguyễn Thanh N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 115/CT-VKS-BC ngày 28/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Thanh N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B tại Bản Cáo trạng số 115/CT-VKS-BC ngày 28/6/2022 đối với bị cáo Nguyễn Thanh N về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N từ 10 tháng đến 12 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Thanh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, nội dung bản Cáo trạng số 115/CT-VKS-BC ngày 28/6/2022 và Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 04/3/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của thị xã B.

Tại phiên tòa, bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thanh N: Bị cáo nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật hình sự nên đồng ý với quyết định truy tố của Cáo trạng và phần luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thanh N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 01/3/2022, tại nhà trọ P thuộc ấp A, xã P, thị xã B, tỉnh B, bị cáo Nguyễn Thanh N đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, màu đen, model Travelmate P249-G2-M trị giá 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) của bà Nguyễn Thị Thu H. Sau đó, N đem bán tài sản trộm được, lấy tiền tiêu xài hết.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo Nguyễn Thanh N thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bản Cáo trạng số 115/CT-VKS-BC ngày 28/6/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, phù hợp hoàn toàn với hành vi thực tế mà bị cáo đã gây ra.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương.

Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân từ nguồn thu nhập hợp pháp nhưng vì tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình hoàn trả lại số tiền 3.700.000 đồng cho ông H1 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thanh N là người có nhân thân xấu. Bị cáo nhiều lần bị kết án và phải chấp hành hình phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản vào các năm 1996, 1999, 2004 và năm 2011. Sau khi chấp xong các bản án, bị cáo không cố gắng tu dưỡng đạo đức bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc đối với nhân thân của bị cáo. Nhận thấy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục giúp bị cáo ý thức rõ hơn về hành vi của bản thân và chính sách khoan hồng của pháp luật chỉ được áp dụng cho những người thực sự biết ăn năn hối cải.

Đối chiếu với những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Nguyễn Thị Thu H đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

Ngày 21/3/2022, bà Trần Thị Thủy C bồi thường số tiền 3.700.000 đồng cho ông Trương Công H1. Ông H1 đã nhận tiền và không yêu cầu gì thêm. Bà C cũng không yêu cầu N trả lại số tiền này cho bà, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

- Về vật chứng:

Đối với 01 (một) máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, màu đen, model Travelmate P249-G2-M: Đây là tài sản hợp pháp của bị hại. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B xử lý vật chứng giao trả 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Acer, màu đen, model Travelmate P249-G2-M cho bị hại bà Nguyễn Thị Thu H là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với xe 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 59V3-177.14 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của xe mô tô biển số 59V3-177.14: Xe do bà Nông Thị Bích Ng (sinh năm 1968, nơi thường trú: Phường 14, quận G, Thành phố H) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 24/7/2020 bà C đã mua lại xe này thông qua hợp đồng ủy quyền giữa bà và người đại diện của bà Ng là ông Nguyễn Hùng S (sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: Số 01/5 Q, Phường 14, quận G, Thành phố H). Bà C cho bị cáo N mượn xe để lái xe ôm kiếm sống. Bà C không biết bị cáo N sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã giao trả xe cho bà C là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Đối với 01 (một) chiếc kim bấm chết: Kim bấm này không có giá trị sử dụng. Căn cứ theo Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu, tiêu hủy.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 02/3/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

3.1 Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3.2 Về xử lý vật chứng: Căn cứ theo Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu huỷ: 01 (một) chiếc kim bấm chết.

(Vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữa Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân thị xã B)

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Thanh Trúc

